

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh giai đoạn 2026-2030;

Tiếp theo Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3171/TTr-SNV ngày 22 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC_(NTVA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương



KẾ HOẠCH

**Cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**
(Kèm theo Quyết định số 1684 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai công tác cải cách hành chính, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

- Kịp thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính (CCHC) giai đoạn 2021-2025 của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2030.

- Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; bảo đảm mô hình chính quyền địa phương hai cấp hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu quả; góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Xác định cải cách hành chính là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu cải cách; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thông suốt từ tỉnh đến cấp xã. Quán triệt yêu cầu lấy liêm chính làm nền tảng, lấy hành động quyết liệt làm cam kết và lấy phục vụ Nhân dân là mục tiêu tối thượng.

- Kế hoạch phải được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện, thống nhất và nghiêm túc, bảo đảm thực chất, hiệu quả, có kiểm soát, không để xảy ra tình trạng triển khai manh mún, hình thức, cục bộ.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong cải cách hành chính giai đoạn vừa qua; tăng cường nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm cải cách của các địa phương.

- Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

1.1. Giai đoạn 2026-2027:

- 100% văn bản QPPL của tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ kịp thời để phù hợp với quy định của văn bản QPPL cấp trên và đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội trên địa bàn tỉnh.

- 100% văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành được kiểm tra và xử lý, rút kinh nghiệm kịp thời khi phát hiện có sai phạm sau khi kiểm tra.

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Hoàn thành rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối trung gian. Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Trung ương.

- 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và khung năng lực.

- 100% các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- 100% hồ sơ công việc (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử, ký số theo quy định.

- Tỉnh đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

1.2. Giai đoạn 2028-2030:

- Xây dựng, hoàn thiện toàn bộ hệ thống văn bản QPPL của tỉnh bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; phổ biến giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện nền nếp, hiệu quả.

- Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 80%.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương, nhất là cấp cơ sở; phấn đấu tỷ lệ cấp xã đạt trên 90% số địa phương có chỉ số CCHC đạt mức trung bình trở lên.

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn;

- Tỉnh đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu trở lên.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Cải cách thể chế

a) Bám sát chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật của địa phương. Trọng tâm là pháp luật về đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, tạo môi trường pháp lý minh bạch, thông thoáng, giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Thường xuyên rà soát những hạn chế, bất cập, vướng mắc về thể chế, quy định pháp luật ở các ngành, lĩnh vực để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới cho phù hợp. Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền gắn với bảo đảm nguồn lực cho các địa phương trong triển khai thực hiện.

c) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả, thực chất, đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào

địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Đẩy mạnh triển khai cơ chế “luồng xanh” trong giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh đủ điều kiện theo quy định.

- Vận hành có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính đặc thù; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

b) Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị trực thuộc gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

c) Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật thuộc thẩm quyền tỉnh, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thông suốt, hiệu quả.

d) Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

a) Triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Luật Viên chức năm 2025 và các văn bản pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức liên quan.

b) Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị làm cơ sở cho việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai việc đánh giá, xếp

loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả, sản phẩm đầu ra và chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) phù hợp từng vị trí việc làm.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

d) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

2.5. Cải cách tài chính công

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước.

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện cân đối ngân sách địa phương đảm bảo triển khai các chính sách an sinh xã hội.

c) Triển khai thực hiện về chế độ tự chủ theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ.

d) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đăng tải, cung cấp thông tin về minh bạch tài chính ngân sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia, góp ý, kiểm tra, giám sát theo quy định.

đ) Thực hiện cân đối ngân sách địa phương, đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và cải cách chính sách tiền lương (xác định việc cải cách chính sách tiền lương là động lực quan trọng thu hút và giữ chân người tài làm việc, cống hiến cho khu vực Nhà nước).

e) Cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và phục hồi nhanh, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; lớn mạnh về số lượng và chất lượng, góp phần xây dựng nền kinh tế Điện Biên phát triển xanh, nhanh, bền vững, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

g) Triển khai thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu; Tập trung thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch ngay từ đầu năm theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2.6. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý

- Rà soát, tham mưu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm

pháp luật, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy chuyển đổi số.

- Cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

b) Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng số phục vụ cho phát triển Chính phủ số

- Nâng cấp các nền tảng số dùng chung của tỉnh (Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp, hợp không giấy, thông tin báo cáo, hệ thống thư điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống chỉ đạo điều hành, cổng thông tin điện tử tỉnh).

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch dữ liệu đất đai của tỉnh.

- Rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Điện Biên, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

d) Phối hợp hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hay địa giới hành chính.

3. Các nhiệm vụ cụ thể

Nội dung các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

4. Kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh đảm bảo theo phân cấp, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm cho công tác cải cách hành chính và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và cụ thể hóa thành kế hoạch công tác hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện, yêu cầu thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Chủ động lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công, bảo đảm chất lượng, tiến độ và mục tiêu đề ra theo kế hoạch cải cách hành chính hằng năm.

- Ưu tiên bố trí kinh phí, nhân lực và các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Khai thác, sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước làm cơ sở đánh giá, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và chất lượng phục vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội về cải cách hành chính.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện để xem xét, chỉ đạo, giải quyết.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về CCHC trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; lồng ghép tuyên truyền CCHC với các nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; đa dạng hóa công tác thông tin, tuyên truyền, truyền thông về CCHC theo lĩnh vực, điều kiện của ngành, địa phương bằng nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về chất lượng và kết quả các lĩnh vực, nhiệm vụ CCHC liên quan đến cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Nhiệm vụ, trách nhiệm chung của các cơ quan được giao chủ trì, phụ trách lĩnh vực CCHC của tỉnh

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về chất lượng và kết quả các lĩnh vực, nhiệm vụ do ngành phụ trách, chủ trì; chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính do ngành phụ trách.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, các cơ quan truyền thông thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC của tỉnh đối với lĩnh vực, nhiệm vụ do ngành phụ trách.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất, đôn đốc các

cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai, thực hiện nội dung lĩnh vực, các tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh thuộc các lĩnh vực do ngành phụ trách. Thu thập, rà soát, chịu trách nhiệm về các tài liệu kiểm chứng đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh được giao.

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Nội vụ tổng hợp để đề nghị cấp có thẩm quyền để sử dụng làm căn cứ trong đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với tập thể, cá nhân có liên quan và sử dụng làm căn cứ trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

- Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đối với các lĩnh vực, nhiệm vụ do ngành phụ trách chủ trì về cơ quan thường trực (Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ gửi Bộ Nội vụ theo yêu cầu.

3. Nhiệm vụ cụ thể từng cơ quan

3.1. Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực về CCHC Nhà nước tỉnh

a) Là cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030; chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của tỉnh trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch giai đoạn 2026-2030; tham mưu, triển khai các nội dung lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, bồi dưỡng, tập huấn CCHC và các nhiệm vụ CCHC được giao.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu xây dựng và trình các báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác cải cách hành chính theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Nội vụ.

đ) Chủ trì tổ chức triển khai đánh giá, chấm điểm xác định điểm Chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường. Triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

e) Chủ trì tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức làm đầu mối hoặc trực tiếp tham mưu, triển khai công tác cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

3.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì tham mưu, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức triển khai thực

hiện các nội dung về cải cách TTHC. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Hướng dẫn, tổng hợp rà soát, đánh giá TTHC; tham mưu phương án đơn giản hóa, cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả TTHC; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thời hạn; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

c) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và tăng cường kiểm tra, giám sát: Tham mưu xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; tổ chức hoặc tham mưu kiểm tra công tác cải cách TTHC; kịp thời chấn chỉnh, xử lý vi phạm (nếu có).

d) Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện TTHC theo cơ chế “Luồng xanh”; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát, đề xuất, tổ chức thực hiện danh mục TTHC áp dụng cơ chế “Luồng xanh”; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC.

đ) Làm đầu mối tham mưu UBND tỉnh trong quan hệ phối hợp với Bộ Tư pháp, Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành trung ương về triển khai các nhiệm vụ cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và tổ chức thực hiện Cổng Dịch vụ công quốc gia trên địa bàn tỉnh theo phân công của UBND tỉnh.

e) Tổng hợp, báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất; tham mưu đánh giá, chấm điểm, xếp hạng kết quả cải cách TTHC của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

3.3. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì, phối hợp với Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công tác tổ chức thi hành pháp luật.

3.4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp đề xuất của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Hằng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ

số công khai ngân sách tỉnh (POBI), Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh (PCI).

3.5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Phối hợp với Công an tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

c) Đẩy mạnh số hóa và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chủ trì quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; thúc đẩy số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu.

3.6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, Báo và Phát thanh, truyền hình Điện Biên, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số theo quy định.

b) Hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả cải cách hành chính; nhân rộng các mô hình, cách làm hay, gương điển hình trong cải cách hành chính.

3.7. Công an tỉnh

a) Chủ trì tham mưu triển khai hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06; chịu trách nhiệm vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử theo phân cấp.

c) Đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cấp và quản lý căn cước, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh; phối hợp các cơ quan, đơn vị chủ quản đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3.8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác truyền thông nhằm tạo sự ủng hộ và tham gia của cá nhân, tổ chức đối với công tác cải cách hành chính, đồng thời giám sát việc thực hiện công tác CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh.

3.9. Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; các cơ quan báo chí Trung ương thường trú hoặc hoạt động trên địa bàn tỉnh

Xây dựng, duy trì chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính; tăng cường thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách, kế hoạch, kết quả cải cách hành chính của tỉnh; kịp thời phản ánh các mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình tiên tiến; tiếp nhận, phản ánh ý kiến của người dân, doanh nghiệp về chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội đối với công tác cải cách hành chính./



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 1684 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
I	Giai đoạn 2026 - 2027			
1.	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
2.	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	%	100	Công an tỉnh
3.	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Cấp độ	3	Sở Khoa học và Công nghệ
4.	Người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	95	Văn phòng UBND tỉnh
5.	100% cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm	%	100	Sở Nội vụ
6.	100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh	%	100	Sở Nội vụ
7.	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
8.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
II	Giai đoạn 2028 - 2030			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
1.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	≥ 95	Văn phòng UBND tỉnh
2.	Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	%	≥ 90	Văn phòng UBND tỉnh
3.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	90	Văn phòng UBND tỉnh
4.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
5.	100% cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm	%	100	Sở Nội vụ
6.	100% cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức các cấp đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định	%	100	Sở Nội vụ
7.	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
8.	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt	Lần GDP	30	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3
9.	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Cấp độ	4	Sở Khoa học và Công nghệ



Phụ lục II

CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kính theo Quyết định số 1684 /QĐ-UBND 28 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1.	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo kế hoạch hằng năm; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các báo cáo kết quả kiểm tra; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện	Thường xuyên
2.	Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các lớp, hội nghị tập huấn; Tổ chức các đoàn công tác học tập kinh nghiệm CCHC	2026 - 2030
3.	Tổ chức thẩm định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định công bố kết quả Chỉ số CCHC	Hằng năm
4.	Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định công bố kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính	Hằng năm
5.	Tăng cường thông tin, tuyên truyền CCHC. Thực hiện tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình, nền tảng số, mạng xã hội về công tác CCHC bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài. Duy trì thực hiện chuyên mục “Cải cách hành chính” trên sóng phát thanh, truyền hình	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Chuyên trang, Chuyên mục, Bản tin; Cuộc thi,...	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1.	Hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước trở thành lực lượng tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp xã (theo phân công tại Kế hoạch số 4050/KH-UBND ngày 21/5/2026 của UBND tỉnh)		Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới	Theo lộ trình tại Kế hoạch số 4050/KH-UBND ngày 21/5/2026 của UBND tỉnh
2.	Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp		Thường xuyên
3.	Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL; kết quả hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL	Thường xuyên
4.	Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp		Thường xuyên
5.	Thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào khu vực công	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ	Chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi được thu hút, tiếp nhận	Thường xuyên
6.	Tổ chức triển khai, thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2026 – 2031”	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
7.	Thực hiện hiệu quả công tác đánh giá xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn, kết quả thực hiện hằng năm.	2026-2030
8.	Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường thực hiện Kế hoạch số 4391/KH-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh triển khai Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030” trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 4391/KH-UBND	2026-2030
9.	Thực hiện phổ biến, quán triệt kịp thời các văn bản QPPL của tỉnh theo phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Kế hoạch, văn bản triển khai, hoặc các hình thức tuyên truyền khác (Tin bài, bản tin,...)	Thường xuyên
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1.	Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Các kết quả thẩm định, đánh giá tác động TTHC	Thường xuyên
2.	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	- Các quyết định phê duyệt; - Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung để thực thi.	Thường xuyên
3.	Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	Văn phòng UBND tỉnh	Các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	và các quy định khác có liên quan	tỉnh; UBND cấp xã			
4.	Đẩy mạnh triển khai thanh toán điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; phối hợp kết nối, tích hợp các tiện ích thanh toán điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các hệ thống tài chính, ngân hàng và các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3 và các Chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh	Thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC được triển khai, kết nối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2026 - 2030
5.	Triển khai hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính theo quy định; rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Vướng mắc được tháo gỡ	2026 - 2030
6.	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời	Thường xuyên
7.	Tổ chức triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; rà soát, chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử, bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Quy trình nội bộ, quy trình điện tử được rà soát, chuẩn hóa; cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai hiệu quả	Thường xuyên
8.	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo kết quả kiểm tra	Theo kế hoạch hằng năm hoặc đột xuất
9.	Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành	Các sở, ban, ngành	Văn phòng	Số liệu TTHC được	Thường

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	tỉnh; UBND xã, phường	UBND tỉnh	cắt giảm, đơn giản hóa	xuyên
10.	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương “Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền nhiễu, tiêu cực”	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	2026-2030
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1.	Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các Quyết định	Thường xuyên
2.	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thông suốt, hiệu quả	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp	Các Quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	2026 - 2030
3.	Sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo sơ kết	Năm 2027
4.	Tiếp tục phân cấp, phân quyền triệt để giữa các cấp chính quyền địa phương	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp		

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
		phường			
5.	Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Sở Nội vụ	Số lượng-đơn vị được sắp xếp	2026 - 2030
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1.	Rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường	Sở Nội vụ	Quyết định; văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
2.	Rà soát, sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ công chức cấp xã, bảo đảm đúng người, đúng việc, đúng thời điểm, đúng địa bàn, phát huy năng lực thực tiễn, sở trường, kinh nghiệm công tác	UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; Các sở, ngành liên quan	Các quyết định về công tác cán bộ	Thường xuyên
3.	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
4.	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ cơ bản, phục vụ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành; Các đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định; văn bản hướng dẫn	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan		
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1.	Quyết định của UBND tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
2.	Quyết định của UBND tỉnh công khai dự toán ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
3.	Quyết định của UBND tỉnh công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
4.	Quyết định của UBND tỉnh ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 01 hằng năm (sau khi có chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ ban hành)
5.	Báo cáo kết quả Chỉ số công khai ngân sách tỉnh Điện Biên (POBI) hằng năm; nhiệm vụ, giải pháp nâng cao	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh;	Báo cáo của UBND tỉnh	Báo cáo sau khi Trung

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) năm kế hoạch		UBND cấp xã		tâm phát triển và hội nhập (CDI Việt Nam) tổ chức Hội nghị công bố
6.	Rà soát, bố trí đủ kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và những nơi hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Kinh phí được bố trí đủ; cơ sở vật chất được nâng cấp, trang bị	Thường xuyên
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ				
1.	Rà soát, tham mưu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các văn bản quy định cơ chế, chính sách	Thường xuyên
2.	Cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Khung kiến trúc số của tỉnh được cập nhật phù hợp yêu cầu	2026-2030
3.	Nâng cấp các nền tảng số dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp, hợp không giấy, thông tin báo cáo, hệ thống thư điện tử, hệ thống thông tin giải quyết TTHC, hệ thống chỉ đạo điều hành, cổng thông tin điện tử	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
4.	Khai thác sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”	2026-2030
5.	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch dữ liệu đất đai của tỉnh	Các sở: Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2026-2030
6.	Rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Công an tỉnh	Hồ sơ đề xuất cấp độ	2026-2030